

Tuần 22

Tiết 85-88 :

Tiết 85

THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU

I. Đặc điểm của trạng ngữ

VD: SGK- 39

Tìm trạng ngữ

+ Dưới bóng tre xanh

=>Chỉ nơi chốn

+ Đã từ lâu đời

+ Đời đời, kiếp kiếp

+ Từ nghìn đời nay

=>Chỉ thời gian.

VD :

a) Vì bệnh, em phải nghỉ học.

=> Chỉ nguyên nhân.

b) Để tránh xảy ra tai nạn, mọi người cần tuân thủ luật lệ giao thông.

=> Chỉ mục đích

c) Với chiếc xe đạp cũ, em đến trường đều đặn mỗi ngày.

=> Chỉ phương tiện.

d) Như một luồng gió lốc, bốn chiếc máy bay nối đuôi nhau ào tới.

=> Chỉ cách thức.

***Về ý nghĩa:**

Trạng ngữ bổ sung thông tin cho câu về: địa điểm, nơi chốn, mục đích, phương tiện, cách thức, thời gian, nguyên nhân,...

***Về hình thức:**

- Đứng đầu câu, cuối câu, hoặc giữa câu.

- Giữa trạng ngữ với CN, VN thường có quãng nghỉ khi nói hoặc có dấu phẩy khi viết .

Ghi nhớ: (SGK- 39)

II. Luyện tập:

1. Bài tập 1: (SGK- 39, 40)

Vai trò của cụm từ “ mùa xuân „ trong các câu:

- a. Làm chủ ngữ, vị ngữ.
- b. Làm trạng từ chỉ thời gian.
- c. Làm phụ ngữ trong cụm động từ.
- d. Là câu đặc biệt .

2. BT 2 +BT3: (SGK- 40)

Tìm và phân loại trạng ngữ:

a. Trạng ngữ:

- ...như báo trước mùa về của một thức quả thanh nhã và tinh khiết - > TN chỉ cách thức
- ... khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi -> TN chỉ thời gian
- Trong cái vỏ xanh kia -> TN chỉ nơi chốn (không gian).
- Dưới ánh nắng -> TN chỉ nơi chốn (không gian).

b. Trạng ngữ: Với khả năng thích ứng với hoàn cảnh lịch sử như chúng ta vừa nói trên đây -> TN chỉ phương tiện, cách thức .

Câu 3b

- Vì lạnh, cô ấy bị ho. -> TN chỉ nguyên nhân.
- Để làm bài kiểm tra tốt, em phải ôn bài kĩ -> TN chỉ mục đích.
- Bằng giọng nói nhẹ nhàng, bạn ấy mời tôi vào nhà. -> TN chỉ cách thức, phương tiện.

Tiết 86:

TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

CÁCH LÀM BÀI VĂN LẬP LUẬN CHỨNG MINH

I. Mục đích và phương pháp chứng minh:

VD/(SGK- 41)

*** Chứng minh trong đời sống:**

->Chứng minh trong đời sống là đưa ra những chứng cứ (vật chứng, nhân chứng) xác thực để chứng tỏ một điều gì đó là đúng, đáng tin.

*** Chứng minh trong văn nghị luận**

->Chứng minh trong văn nghị luận là đưa ra những lý lẽ và dẫn chứng để chứng tỏ một nhận định, luận điểm nào đó là đúng đắn.

*** Tìm hiểu văn bản Chứng minh: “Đừng sợ vấp ngã”**

a/Luận điểm: Đừng sợ vấp ngã

Câu mang luận điểm: “Vậy xin bạn chớ lo sợ thất bại.”

b/ luận cứ

- Lí lẽ: Đã bao lần bạn vấp ngã mà không hề nhớ

-DC1: Lần đầu tiên,...trúng bóng không?

-DC2: Oan- đi- xnây...

-DC3: Lu-iPa-xto' ...

-DC4: Lép- Tôn-xtôi...

-DC5: Hen-ry Pho...

-DC6: Ca sĩ En-ri-cô Ca-ru-xô...

c/ Lập luận CM:

- Nêu luận điểm: “Đã bao lần bạn vấp ngã mà không hề nhớ”.

-Dùng lí lẽ, nêu một số dẫn chứng về việc bị vấp ngã trong đời sống: Bị ngã, tập bơi, đánh bóng..

- Nêu dẫn chứng về cuộc đời của 5 danh nhân thế giới cũng bị vấp ngã.

- Kết luận: Bài viết nêu ra cái đáng sợ hơn vấp ngã là sự thiếu cố gắng.

=>Phép lập luận chứng minh: Dùng lí lẽ, dẫn chứng chân thực để chứng tỏ luận điểm cần được chứng minh là đáng tin cậy.

Ghi nhớ: (SGK- 42)

II. Các bước làm bài văn lập luận chứng minh.

Đề bài: *Nhân dân ta thường nói: “ Có chí thì nên”. Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.*

1. Tìm hiểu đề và tìm ý

- Thể loại: Văn nghị luận chứng minh

- Nội dung: chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ “Có chí thì nên”. (Vai trò, ý nghĩa to lớn của “chí” trong cuộc sống).

-Tính chất: khuyên nhủ.

- Phạm vi dẫn chứng: Trong văn học và thực tế cuộc sống.

- Đối tượng: ý chí nghị lực của con người.

- Khuynh hướng tư tưởng: khẳng định (Vai trò, ý nghĩa to lớn của “chí” trong cuộc sống).

- Lập luận :

+ Nêu lí lẽ

+ Nêu dẫn chứng xác thực.

2. Lập dàn bài(SGK/49)

a. Mở bài:

Nêu luận điểm cần được chứng minh

b. Thân bài: (chứng minh vấn đề)

Nêu lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định luận điểm trên là đúng đắn

c. Kết bài

Ý nghĩa đúc kết, bài học rút ra.

3. Viết bài:

a. Viết phần mở bài

Có thể lập luận bằng nhiều cách khác nhau:

- Đi thẳng vào vấn đề

- Suy từ cái chung đến cái riêng

- Suy từ tâm lí con người.

b. Viết phần thân bài

- Dùng từ ngữ chuyên đoạn: Thật vậy, đúng như vậy...
- Viết đoạn phân tích lí lẽ
- Viết đoạn phân tích dẫn chứng.

c. Viết phần kết bài

- Kết bài phải hô ứng với đoạn mở bài.
- Nêu được ý nghĩa của luận điểm đã được chứng minh.

4. Đọc lại và sửa chữa

Ghi nhớ: (sgk- 50).

Tiết 87 :

THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU

(Tiếp theo)

I. Công dụng của trạng ngữ.

Vd/45

Các trạng ngữ:

- a. + Thường thường, vào khoảng đó -> chỉ thời gian.
- + Sáng dậy -> chỉ thời gian.
- + Trên giàn hoa lí -> nơi chốn
- + Chỉ độ tám chín giờ sáng -> chỉ thời gian.
- + Trên nền trời trong trong -> chỉ không gian(nơi chốn).
- => Nối kết các câu, làm cho đoạn văn mạch lạc.

- b. Về mùa đông -> chỉ thời gian.

=> Bổ sung thông tin làm cho câu đầy đủ ý nghĩa.

Ghi nhớ 1: sgk/46

II. Tách trạng ngữ thành câu riêng.

Vd/ sgk/46.

Và để tin tưởng hơn nữa vào tương lai của nó.

-> Trạng ngữ được tách thành câu riêng để nhấn mạnh ý .

Ghi nhớ 2: (SGK- 47)

III. Luyện tập

1. Bài tập 1: (SGK- 47)

Xác định trạng ngữ và nêu công dụng.

- a. ở loại bài thứ nhất

ở loại bài thứ hai

=> Trạng ngữ chỉ nơi chốn, nhấn mạnh đặc điểm, phong cách của từng loại bài trong thơ Hồ Chí Minh.

b. - Đã bao lần

- Lần đầu tiên chập chững biết đi.
- Lần đầu tiên tập bơi
- Lần đầu tiên chơi bóng bàn
- Lúc còn học phổ thông

=> Trạng ngữ chỉ thời gian, nhấn mạnh vào thời điểm mà người viết muốn đưa ra với bạn đọc.

2. Bài tập 2: (SGK- 47, 48)

Chỉ ra trường hợp tách trạng ngữ thành câu riêng và nêu tác dụng:

a. Năm 72.

- Tác dụng: Nhấn mạnh thời điểm hi sinh (Năm 72)

b. Trong lúc tiếng đờn vẫn khắc khoải vẳng lên những chữ đờn li biệt, bồn chồn.

- Tác dụng: Nhấn mạnh cảm xúc(nhấn mạnh vào sự việc được nói tới trong bộ phận trạng ngữ là những sự việc diễn ra đồng thời, cùng lúc với những hoạt động diễn ra trong bộ phận chính của câu (đứng trước))

3. Bài tập 3: (SGK- 48)

Viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về sự giàu đẹp của tiếng Việt.

(Tham khảo bài Sự giàu đẹp của Tiếng Việt SGK/34)

CHUYỂN ĐỔI CÂU CHỦ ĐỘNG THÀNH CÂU BỊ ĐỘNG

I. Câu chủ động và câu bị động

Ví dụ: SGK /57

a)- Mọi người / yêu mến em.

CN

CN chỉ người thực hiện hoạt động hướng vào người khác.

- Con trâu / giẫm bẹp con ếch

CN

CN chỉ vật thực hiện hoạt động hướng vào vật khác.

→ **Chủ ngữ là chủ thể của hành động**(người, vật thực hiện hoạt động hướng vào người, vật khác)

⇒ **Câu chủ động.**

b)- Em / được mọi người yêu mến.

CN

CN chỉ người được hoạt động của người khác hướng vào

- Con ếch / bị con trâu giẫm bẹp .

CN

CN chỉ vật được hoạt động của vật khác hướng vào

→ **Chủ ngữ là đối tượng của hoạt động**(được hành động của người ,vật khác hướng vào)

⇒ **Câu bị động**

Ghi nhớ 1: (SGk- 57)

II. Mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.

VD/57

Chọn câu b

Em được mọi người yêu mến

=>Liên kết các câu trong đoạn văn.

Ghi nhớ 2: (SGk- 58)

III. Luyện tập

BT/58. Tìm câu bị động, giải thích vì sao tác giả chọn cách viết như vậy?

- Câu bị động: Có khi được trưng bày...để thấy.

-Tác giả mấy vần thơ...thi sĩ.

=> Tác giả chọn cách viết như vậy để: Tạo sự liên kết giữa các câu, tránh lặp lại từ ngữ, kiểu câu đã dùng trước.

Bài tập bổ sung: Đặt câu

a) Gió làm lật thuyền.

Thuyền bị gió làm lật.

b) Lan được cô giáo khen.

Cô giáo khen Lan.